TRUNG TÂM TTTV NGUYỄN THÚC HÀO

DANH MỤC TÀI LIỆU NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG CÓ Ở

TT	Nhan đề
1	100 câu hỏi - đáp về an toàn thực phẩm thủy sản : :Hà Nội :Nông Nghiệp , 2014
2	A Mars Trek :Montoya, Fernando /Columbus :McGraw-Hill , 2007
3	Advances in environmental sciences/ Pitts, James N :New York/Wiley-Interscience ,1969
4	America's private forests :Best, Constance/Washington :Island Press , 2001
5	An ninh môi trường, TS. Nguyễn Đức Khiển, TT - Truyền thông, 2013
6	Annual review of energy :Hollander, Jack M :USA /Annual reviews :
7	Bảo tồn đa dạng sinh học dãy Trường Sơn = Biodiversity concervation in Truong Son cordillera / Nguyễn Ngọc Sinh (chủ biên),... [và những người khác], Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam, 2012
8	Bảo vệ môi trường du lịch.Tp.Hồ Chí Minh :Đại học công nghiệp Tp.Hồ Chí Minh , 2015
9	Beyond naturalness :/Washington :McGraw-Hill , 2010
10	Biomanagement of Metal - Contaminated Soils : :New York /Springer , 2011
11	Các quá trình thoái hóa đất :Nguyễn, Xuân Hải :Hà Nội :Đại học Quốc gia Hà Nội , 2016
12	Cẩm nang an toàn, vệ sinh thực phẩm : :Hà Nội :Lao động , 2020
13	Clean fuels for Asia : :USA/ The World Bank ,1997
14	Con người và môi trường sống /Vũ Văn Bằng :H :Văn hoá Thông tin , 2004
15	Conservation in the internet age /Levitt, James N./Washington :Island Press , 2002
16	Criminal investigation : :New York :McGraw Hill , 2006
17	Checklist for sustainable landscape management /Mansvelt, J. D. Van :Netherlands /Elsevier science ,1999
18	Chemical pesticide markets, health risks and residues /Harris, T :United Kingdom /Cab International ,1997
19	Chương trình đào tạo đại học theo học chế tín chỉ ngành Quản lí tài nguyên rừng và môi trường, Dự án phát triển giáo viên THPT và TCCN - Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế, ĐH Cần Thơ, 2013
20	Chương trình nghị sự 21 quốc gia về tài nguyên và môi trường, HVHC Quốc gia
21	Digital hardware design/ Peatman, John B :New York :McGraw-Hill book company ,1980
22	Đánh giá tác động môi trường/ Phạm, Ngọc Hồ :Hà Nội :Đại học Quốc gia Hà Nội , 2001
23	Economic losses from marine pollution /Ofiara, Douglas D/Washington :Island Press , 2001
24	Enron :Fox, Loren :USA :John Wiley & Sons , 2003
25	Environment :Raven, Peter H :USA :John Wiley , 2004
26	Environmental crises /Storch, Hans von :Germany /Springer , 2008
27	Environmental implications of farmland diversification /Singh, J :India :Rajat Pulications , 2001
28	Environmental monitoring : :USA /CRC Press , 2004
29	Environmental science /Cunningham, William P /American :McGraw-Hill , 2012
30	Environmental science /Cunningham, William P :USA :McGram-Hill , 2003

31	Environmental science /Cunningham, William P :USA :McGram-Hill , 2005
32	Environmental science /Enger, Eldon D /American :McGraw-Hill , 2010
33	Environmental science /Enger, Eldon D :New York :Mc Graw Hill , 2006
34	Environmental science /Enger, Eldon D :New York :McGraw-Hill , 2010
35	Environmental science : Nebel, Bernard J :New Jersey/ Prrentice Hall , 2000
36	Environmental Science :Botkin, Daniel B /London/Wiley , 2010
37	Fluorides in the environment effects on plants and animals /Weinstein, P. L. H :USA /Cabi , 2004
38	Food safety /Entis, Phyllis/Washington /ASM Press , 2007
39	Food safety and International competitiveness /Spriggs, John :United Kingdom /CAB International , 2001
40	Food safety handbook /Schmidt, Ronald H :USA :John Wiley and Son , 2003
41	Forestry and rural development /Sekar, S. A. G :India :Kanishka Publishers , 2001
42	Fundamental of air pollution/Williamson, Samuel J :New York /Addison - Wesley publishing company ,1973
43	Green Energy :Jeffs, Eric :New York /CRC Press , 2010
44	Giáo trình kinh tế lâm nghiệp /Bùi Minh Vũ :H/ Thống Kê , 2002
45	GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng và môi trường :Bảo Huy/ Tp. Hồ Chí Minh/ Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh , 2009
46	Handbook of meat, puultry and seafood quality :Nollet, Leo M. L :USA :Blackwell , 2007
47	Handbook of operations research in natural resources : :USA /Springer , 2007
48	Hỏi đáp về môi trường và sinh thái/ Phan, Nguyên Hồng :Hà Nội :Giáo Dục , 2004
49	How management teams can have a good fight /Eisenhatdt, Kathleen M /America :Harvard Business School Publishing , 2009
50	Ignition :Isham Jr., Jonathan/Washington :Island Press , 2007
51	Impure science : :Berkeley :University of California press ,1996
52	Information and communication technologies in support of the tourism industry/ Pease, Wayne :USA :IGP , 2007
53	Institutions, ecosystems, and sustainability : :USA /CRC Press , 2001
54	Integrated and participatory water resources management: Practice : :North America :Hart publishing , 2007
55	Justice and natural resources :Mutz, Kathryn M/Washington :Island Press , 2002
56	Kiểm toán môi trường/ Phạm, Thị Việt Anh :Hà Nội :Đại học Quốc gia Hà Nội :
57	Kinh tế lâm nghiệp. H :Nxb. Nông nghiệp , 2005
58	Kinh tế, quản lý rừng và biến đổi khí hậu : :Hà Nội :Nông nghiệp , 2017
59	Kỹ thuật nuôi trồng/Tăng Văn Đoàn :H :Giáo Dục , 2004
60	Khoa học môi trường : :Hà Nội :Nxb Giáo dục Việt Nam , 2012
61	Local Climate action planning :Boswell, Michael R /American /Oislandpress , 2012
62	Making nature whole : /America /Oislandpress , 2011
63	Man, Environment and Wildlife : :India /Anmol publications , 2002
64	Microplanning: A Guide to Participatory Natural Resource Management /Yadav, J. P .India :Natraj Publishers , 2001
65	Mountains: Sources of water, sources of knowledge/Wiegandt, Ellen/ The Netherland /Springer , 2008
66	Môi trường và phát triển bền vững :Nguyễn, Đình Hòe :Hà Nội :Giáo dục , 2009

67	Môi trường, dân số và phát triển bền vững : :Hà Nội :Nxb Khoa học và kỹ thuật , 2012
68	National parks and rural development /Machlis, Gary E ./Washington .Island Press , 2000
69	Natural assets :Boyce, James K /London :Island press , 2003
70	Natural resource management strategy : :USA/ The World Bank Washington , 2000
71	Natural Resources Management in African Agriculture : :GB /Cab International , 2002
72	Năng lượng và môi trường ở Việt Nam /Lý, Ngọc Minh :Hà Nội :Khoa học và kỹ thuật , 2013
73	Nghiên cứu cơ sở khoa học và công nghệ quản lý bổ sung tầng chứa nước tại Việt Nam / Nguyễn Thị Kim Thoa,...[và những người khác], Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2010
74	Những thông tin cập nhật về biến đổi khí hậu dùng cho các đối tượng cộng đồng :Nguyễn, Trọng Thuận :Hà Nội/ Tài nguyên môi trường , 2017
75	Our human planet: Summary for decision-makers /Assessment, Millennium Ecosystem/Washington :Island Press , 2005
76	Perimeter sercurity /Arata, Michael J :McGraw-Hill : , 2006
77	Pesticides : :New York /CRC Press , 2012
78	Plant conservation and biodiversity :Hawksworth, David L/ The Netherlands /Springer , 2007
79	Principles of environmental science /Cunningham, William P :USA :McGraw-Hill , 2004
80	Phasing out lead from gasoline : :USA/ The World Bank ,1998
81	Phú Quốc tài nguyên và môi trường, PGS.TS Thái Thành Lượm, TS Nguyễn Xuân Niệm, THS. Nguyễn Phong Vân, KHKT, 2012
82	Quản lý chất thải nhằm phát triển nông nghiệp bền vững : :Hà Nội :Khoa học kỹ thuật , 2012
83	Quản lý môi trường /Schreiner, Manfred :Hà Nội :Khoa học và kỹ thuật , 2002
84	Quản lý nhà nước tài nguyên và môi trường cấp xã, NXB Lao Động Xã Hội, 2010
85	Quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu :Nguyễn, Đình Bồng :Hà Nội /Chính trị Quốc gia - Sự thật , 2013
86	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường :Hồng, Anh :Hà Nội/ Thống kê , 2008
87	Return of the wild :Kerasote, Ted/Washington :Island press , 2001
88	Roadless Rules/ Turner,Tom /London /Oislandpress , 2009
89	Russia : :USA/ The World Bank ,1997
90	Sổ tay quản lý an toàn thực phẩm : :Hà Nội :Hồng Đức , 2020
91	Sustainable hortieulture/ Poincelot, R. P :USA, Prentice Hall , 2003
92	Tài liệu tuyên truyền vì an toàn thực phẩm : :Hà Nội :Hồng Đức , 2020
93	Tài nguyên đất : Dùng cho sinh viên và học viên cao học các ngành: Khoa học môi trường. Khoa học thổ nhưỡng / Trần Kông Tấu, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009
94	Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững / Lê Huy Bá, Vũ Chí Hiếu, Võ Đình Long, Khoa học và Kỹ Thuật, 2002.
95	Tài nguyên và môi trường than bùn vùng Đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam, PGS.TS Thái Thành Lượm, KHKT, 2013
96	Taking sides /Easton, Thomas :New York :McGraw-Hill , 2007
97	Talking sides : :USA :McGram-Hill , 2003
98	Tending fire/ Pyne, Stephen J/Washington :Island Press , 2004
99	Tiêu chuẩn quốc tế ISO 14000 /Kim, Thủy Ngọc :Hà Nội/ Thế Giới , 2003

100	Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ môi trường :Bùi, Văn Dũng :Nghệ An :Nxb Đại học Vinh , 2017
101	Tươi sạch/ Patterson, Brian/ Tp. Hồ Chí Minh :Nxb Trẻ , 2004
102	The agile city :Russell, James S/Washington /Oislandpress , 2011
103	The Atlantic forest of South America :/Washington :Island Press , 2003
104	The Barque of saviors /Drum, Russell :USA :Houghton Mifflin Company , 2002
105	The Challenge of famine : :USA :Kumarian Press ,1993
106	The decade of destruction /Cowell, Adrian :New York :Henry Holt and company ,1990
107	The economics of pollution havens :Fullerton, Don :USA /Edward Elgar , 2006
108	The environmental protection agency /Landy, Marc K :New York /Oxford university press ,1990
109	The five front war :Byman, Daniel :USA :John Wiley & Sons, Inc , 2007
110	The Geopolitics of hunger 2000 - 2001 : :USA /Lynne Rienner , 2001
111	The TDR handbook : /American /Oislandpress , 2011
112	The World food problem :Foster, Phillips :USA /Lynne Rienner ,1999
113	Thiên nhiên và môi trường vùng biển đảo Bạch Long Vĩ : :Hà Nội :Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ , 2013
114	Thiết kế các môđun khai thác nội dung giáo dục môi trường trong sách giáo khoa địa lí bậc Trung học :Đặng, Văn Đức :Hà Nội :Đại học Sư phạm , 2006
115	Understanding environmental policy /Cohen, Steven :New York /Columbia University Press , 2006
116	Urban air quality management strategy in Asia : :USA/ The World Bank ,1997
117	Ứng dụng viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên môi trường biển, Doãn Hà Phong, KHTN&CN, 2012
118	Vấn đề ruộng đất ở Việt Nam /Lâm, Quang Huyên :Hà Nội /Lao động Xã hội , 2007
119	Vector calculus :Marsden, Jerrold E /San Francisco /Academic press ,1976
120	Vệ sinh và an toàn thực phẩm :Nguyễn, Đức Lượng/ Tp. Hồ Chí Minh :Nxb Đại học Quốc Gia Tp.Hồ Chí Minh , 2005
121	What we know about climate change /Emanuel, Kerry /England/ The Mit Press , 2007
122	What when wrong at Enron :Fusaro, Peter C :USA :John Wiley & Sons , 2002

THƯ VIỆN

Đầu mục
NLN.008838-44
MN.020989
VE.000345
MN.014989-90
Tài liệu số
VE.001223
NLN.008459-66; SH.001123-34
SH.001759-60
MN.021238
MN.021040
NLN.009327-33, NLN.009497-9
XH.032114-5
MN.000242
NLN.000943-7
MN.015030
MN.020283
NLN.002565
NLN.002751
GD.002571-81, GD.003452-61, GD.003507
Tài liệu số
VE.000808
SH.002024-7
MN.014984
MN.000491
VE.000540
MN.018009
NLN.002817
NLN.002816
MN.021102
MN.000537

MN.015074
MN.021107
MN.015375
MN.020566
VE.000051
MN.020481
NLN.006425
MN.018134
NLN.002681
NLN.002682
NLN.002819
VE.000872
MN.020459
NLN.000705-54
XH.006463-4; TVV NLN.008182-8
MN.018067
MN.017953
SH.000001-25
MN.020729
MN.020369
VE.000589
MN.018045
NLN.002616
MN.018032
MN.015002
Tài liệu số
NLN.004752-95
NLN.009503-5
NLN.000655-9
Tài liệu số
MN.021193
MN.021203
NLN.002829
NLN.002838
MN.018027
GT.016878-9, GT.016881-7; SH.002060-2

XH.006563-4
MN.014988
MN.017190-1
MN.000580-1
NLN.002605
XH.006562
SH.002137-40; NLN.008546-9
QV.005341-3
MN.020400
MN.017182
MN.021035
MN.017971
MN.000553
MN.000213-4
Tài liệu số
NLN.008456-8
XH.006049-59
Tài liệu số
NLN.009512-4
SH.001934
MN.014992-3
MN.020800
MN.000251
XH.029384-6
NLN.002924
XH.032116-7
GT.023293-7; NLN.009494-6
SH.000824-33
Tài liệu số
MN.017159
MN.000481
MN.020376
XH.031380-5

GT.029243-51
NLN.008418-21
MN.021221
MN.017228
MN.000472-3
MN.000531
VE.000754
VE.000369
VE.000403
MN.020092
MN.000466-7
MN.021167
MN.000513
XH.006514-7
XH.006497-503, XH.030371-85
MN.018037
MN.000289
Tài liệu số
XH.031436-54
VE.000251, VE.000817
Tài liệu số
MN.018125
MN.000516-7